TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Minh Thông.

2. Ông Trần Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn ThAh Tâm là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – A tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng Nhung**, sinh ngày 01/01/1987. Địa chỉ: Tổ 04, ấp Cờ Trắng, xã Hoà Điền, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ah **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 24/01/1992. Địa chỉ: Tổ 04, ấp Cờ Trắng, xã Hoà Điền, tỉnh A.

(Chị Nhung có mặt, Ah B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Nhung trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nhung và Ah Nguyễn Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2016 tại UBND xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên GiAg (nay là xã Hoà Điền, tỉnh A). Vợ chồng chung sống thời giA đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 05 năm nay thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quA điểm, hay cãi vả từ những chuyện nhỏ nhặt,

cuộc sống không còn tiếng nói chung, Chị Nhung và Ah B đã không chung sống với nhau nhiều năm nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nhung cương quyết ly hôn với Ah Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/2007, giới tính nữ.

2. Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/11/2011, giới tính nam.

Hiện các con đAg sống với chị Nhung. Xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/11/2011, giới tính nam đến tuổi trường thành, yêu cầu Ah B cấp dưỡng chi phí nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng. Cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/2007, giới tính nữ đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa, chị Nhung xin rút lại đối với yêu cầu Ah B cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng.

- Tại bản tự khai bị đơn Ah Nguyễn Văn B trình bày:

Ah B thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Hồng Nhung về quá trình chung sống, có đăng ký kết hôn. Ah B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ah B đồng ý ly hôn với chị Nhung.

Về con chung: Ah B đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/11/2011, giới tính nam cho chị Nhung nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000đ đến tuổi trưởng thành. Cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/2007, giới tính nữ đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Ah B không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quA hệ pháp luật: Bị đơn Ah Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại: Tổ 04, ấp Cờ Trắng, xã Hoà Điền, tỉnh A. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – A. Đối với quA hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải

quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Ah Nguyễn Văn B có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quA hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Nhung và Ah Nguyễn Văn B chung sống có đăng ký kết hôn và được Uỷ bA nhân dân xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên GiAg (nay là xã Hoà Điền, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ah Nguyễn Văn B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải động viên giữa chị Nhung và Ah B. Xét thấy chị Nhung có yêu cầu ly hôn, tại bản tự khai Ah B thống nhất ly hôn. Vì vậy xét nên cho chị Nhung được ly hôn với Ah B.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/2007, giới tính nữ và Nguyễn Trần Bình A, sinh ngày 15/11/2011, giới tính nam. Chị Nhung xin nuôi cháu Bình A đến tuổi trưởng thành, Ah B đồng ý, ý kiến của Ah chị cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị Nhung xin rút lại, không yêu cầu nên đình chỉ. Cháu Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do chị Nhung có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí.

***Vì caùc leõ treân*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng Nhung được ly hôn với và Ah Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bình A cho chị Nhung nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng: Do chị Nhung xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nên đình chỉ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng Nhung phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0016228 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A, nên chị Nhung không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nhung được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ah B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- VKSND khu vực 8 – A;
- Cơ quA THADS khu vực 8 – A;
- UBND xã Hòa Điền – A;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho